

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 01 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quang Minh

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 574/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Quốc N, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Căn cước số: 096099002026.

Địa chỉ: Ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Thái Thúy A, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh N và chị A chung sống với nhau năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nay anh N xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị A.

- Về con chung và nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Có 05 chỉ vàng 24k, anh yêu cầu chia đôi mỗi người 2,5 chỉ vàng 24k.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân, con chung, nợ chung. Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu phân chia.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh N yêu cầu xét xử vắng mặt, chị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh N và chị A chung sống với nhau năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo anh N xác định quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, từ đó anh N yêu cầu được ly hôn chị A.

Đối với chị A không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh N cho thấy chị A không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh N được ly hôn với chị A là phù hợp và đúng quy định.

[3] Về con chung và nợ chung: Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị A không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Anh N rút yêu cầu phân chia tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của anh N.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Dương Quốc N được ly hôn với chị Thái Thúy A.
2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia 05 chỉ vàng 24k của anh Dương Quốc N.

Anh N có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 860.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003758 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, anh N được nhận lại 560.000 đồng (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đá Bạc, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Quang Minh

Lê Trường An

Hồ Dũng Liêm